

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

ĐỀ ÁN

THÀNH LẬP THỊ TRẤN NỬA, HUYỆN TRIỆU SƠN

Triệu Sơn, tháng 5 năm 2019

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang	
Phần I		
CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT		
I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ	1	
II. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT	2	
Phần II		
LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN		
I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG CỦA HUYỆN TRIỆU SƠN VÀ XÃ TÂN NINH		
1. Huyện Triệu Sơn	4	
2. Xã Tân Ninh	7	
II. ĐÁNH GIÁ VIỆC THÀNH LẬP THỊ TRẤN NỬA THEO ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN CỦA ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH THỊ TRẤN		
1. Đánh giá với 04 điều kiện thành lập đơn vị hành chính thị trấn (Khoản 2 Điều 128 Luật Tổ chức chính quyền địa phương)	14	
2. Đánh giá tiêu chuẩn đơn vị hành chính thị trấn	15	
Phần III		
PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THỊ TRẤN NỬA		
I. HIỆN TRẠNG CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÓ LIÊN QUAN		
1. Huyện Triệu Sơn	16	
2. Xã Tân Ninh	16	
II. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THỊ TRẤN NỬA		16
III. SAU KHI THÀNH LẬP THỊ TRẤN NỬA		
1. Thị trấn Nưa	17	
2. Huyện Triệu Sơn	17	

Phần IV	
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ TRẤN NỬA VÀ CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN	
I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG	
1. Tác động về tổ chức bộ máy, quản lý nhà nước	17
2. Tác động đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	18
3. Tác động đến phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh	18
4. Tác động đến văn hóa, xã hội và cuộc sống nhân dân	19
5. Tác động đến phát triển đô thị	20
6. Tác động đến vệ sinh môi trường	20
7. Tác động về quốc phòng - an ninh.	21
8. Tác động về bảo đảm trật tự, an toàn xã hội	21
II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ TRẤN NỬA	21
II. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	
1. Giải pháp về tổ chức bộ máy hệ thống chính trị	22
2. Giải pháp về đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách	23
3. Giải pháp về sử dụng cơ sở vật chất, công sở, trụ sở làm việc	24
4. Giải pháp chuyên đổi một số giấy tờ cơ bản của công dân	24
5. Giải pháp về phát triển đô thị, bảo vệ môi trường	25
6. Giải pháp về cải cách hành chính	25
7. Giải pháp về ngân sách, vốn đầu tư	26
8. Kế hoạch và lộ trình thực hiện	26
Phần V	
KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT	
	27

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2019

**ĐỀ ÁN
Thành lập thị trấn Nưa thuộc huyện Triệu Sơn**

Phần I

CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;
2. Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị;
3. Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;
4. Quyết định số 3975/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030;
5. Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND tỉnh phê duyệt chương trình phát triển đô thị tỉnh đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030;
6. Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Triệu Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
7. Quyết định số 3491/QĐ-UBND ngày 04/11/2008 và Quyết định số 4014/QĐ-UBND ngày 17/10/2016 của UBND tỉnh phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị Nưa, huyện Triệu Sơn đến năm 2020;
8. Quyết định số 5425/QĐ-UBND ngày 17/10/2016 của UBND tỉnh công nhận xã Tân Ninh thuộc huyện Triệu Sơn đạt tiêu chuẩn đô thị loại V;

9. Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2019;

10. Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình công tác năm 2019 của UBND tỉnh;

11. Phương án tổng thể sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã trong giai đoạn 2019 – 2021 đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua tháng 4/2019.

II. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT

Xã Tân Ninh ở phía Nam của huyện Triệu Sơn, cách thị trấn huyện lỵ 10 km; địa giới hành chính: Bắc giáp các xã: Khuyến Nông, Đồng Lợi; Nam giáp huyện Như Thanh; Đông giáp huyện Nông Cống; Tây giáp xã Thái Hòa.

Trong những năm qua, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và đầu tư của tỉnh, của huyện, sự nỗ lực cố gắng cấp ủy, chính quyền và nhân dân nên xã Tân Ninh đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo tiền đề cho sự phát triển toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; đời sống vật chất tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao, kết cấu hạ tầng kỹ thuật được hoàn thiện, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững. Năm 2018, tốc độ tăng giá trị sản xuất trên địa bàn đạt 11,0%; tổng giá trị sản xuất đạt 293,0 tỷ đồng, trong đó: ngành thương mại - dịch vụ đạt 114,27 tỷ đồng chiếm 27,50%, ngành công nghiệp – xây dựng đạt 120,13 tỷ đồng 39,0%, ngành nông nghiệp đạt 58,6 tỷ đồng chiếm 33,5%; cân đối được thu – chi ngân sách (thu ngân sách đạt 43,48 tỷ đồng, chi ngân sách 41,75 tỷ đồng); thu nhập bình quân đầu người đạt 42,50 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 3,48%; tỷ lệ gia đình được công nhận danh hiệu văn hóa đạt 95,0%; cơ quan, thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa đạt 100%; hoàn thành phổ cập tiểu học, trung học cơ sở; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 0,55%; trẻ dưới 06 tuổi được cấp thẻ khám chữa bệnh đạt 100%; người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 87%.

Là địa phương có truyền thống văn hóa – lịch sử lâu đời, có quần thể di tích lịch sử quốc gia Am Tiên bao gồm Núi Nưa - Đền Nưa - Am Tiên gắn với cuộc khởi nghĩa Bà Triệu (năm 248), mỗi năm thu hút hàng vạn lượt khách du lịch, góp phần đưa xã Tân Ninh trở thành một trung tâm du lịch văn hóa, du lịch tâm linh của cả nước. Ngoài ra, là địa phương có trữ lượng quặng cromit lớn

nhất nước với khả năng khai thác lên tới 150.000 tấn/năm (bắt đầu khai thác từ năm 1956) nên xã Tân Ninh đã và đang là trung tâm khai khoáng – chế biến quặng lớn không chỉ của tỉnh mà còn là của cả nước. Đồng thời, trên địa bàn có tuyến Quốc lộ 47C, Tỉnh lộ 517, Đường Nghi Sơn – Sao Vàng chạy qua nên xã Tân Ninh là đầu mối giao thương, trung tâm dịch vụ, thương mại quan trọng của vùng huyện Triệu Sơn và các huyện giáp ranh. Phát huy những tiềm năng, lợi thế nêu trên và sau 10 năm tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng đô thị Nưa (thuộc địa giới hành chính xã Tân Ninh) theo Quyết định số 3491/QĐ-UBND ngày 04/11/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh, bộ mặt đô thị trên địa bàn xã Tân Ninh đã có nhiều thay đổi tích cực; khu đô thị quy hoạch rộng 150 ha, tổng giá trị đầu tư 1270 tỷ đồng từng bước được xây dựng; hệ thống hạ tầng ngày một hoàn thiện, tiến tới đồng bộ; đường giao thông cơ bản được rải nhựa và bê tông hóa; tất cả các hộ gia đình đều được sử dụng điện lưới; tuyến đường chính được chiếu sáng; các hộ dân cơ bản được sử dụng nước sạch; rác thải được thu gom và xử lý hợp vệ sinh; góp phần đưa xã Tân Ninh đạt tiêu chuẩn của đô thị loại V theo Quyết định số 5425/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của UBND tỉnh.

Những thay đổi về kinh tế - xã hội, quá trình phát triển công nghiệp, dịch vụ và đô thị hoá đã làm thay đổi quá trình tổ chức dân cư theo hướng tập trung với mật độ cao, hình thành lối sống đô thị trong nhân dân; tổ chức sản xuất có sự chuyên môn hóa, lao động dịch chuyển từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp; công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, quy hoạch, xây dựng, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự, bảo vệ môi trường ... của chính quyền nông thôn hiện nay gặp nhiều khó khăn; cần phải có chính quyền đô thị với cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp để thay thế cho chính quyền nông thôn như hiện nay. Năm 2018 xã Tân Ninh cũng được công nhận là xã nông thôn mới.

Thành lập thị trấn Nưa trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và nhân khẩu của xã Tân Ninh không làm phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế; góp phần đảm bảo tiêu chuẩn của đơn vị hành chính theo quy định; tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý đô thị, nhằm đáp ứng yêu cầu về công tác quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn. Đồng thời, thành lập thị trấn với tên gọi Nưa có ý nghĩa kế thừa và phát huy truyền thống văn hóa - lịch sử, địa danh Kẻ Nưa - Núi Nưa – Đền Nưa tại địa phương; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch đô thị đã được phê duyệt.

Phần II

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG CỦA HUYỆN TRIỆU SƠN VÀ XÃ TÂN NINH

1. Huyện Triệu Sơn

Triệu Sơn là huyện đồng bằng tiếp nối với miền núi của tỉnh Thanh Hóa, cách thành phố Thanh Hóa khoảng 20 km về phía Tây; vị trí địa lý từ 19⁰42' - 19⁰52' vĩ độ Bắc và từ 105⁰34' - 105⁰42' kinh độ Đông; phía Bắc giáp các huyện: Thọ Xuân, Thiệu Hóa; phía Nam giáp các huyện: Như Thanh, Nông Cống; phía Đông giáp huyện Đông Sơn; phía Tây giáp huyện Thường Xuân.

Huyện Triệu Sơn được thành lập trên cơ sở điều chỉnh một phần địa giới hành chính của huyện Thọ Xuân (13 xã phía Nam) và huyện Nông Cống (20 xã phía Bắc) theo Quyết định số 117-CP ngày 16/12/1964 của Chính phủ. Tháng 01/1987, thành lập xã Triệu Thành; tháng 6/1988, thành lập thị trấn Triệu Sơn; tháng 11/1994, thành lập xã Bình Sơn. Hiện tại, huyện Triệu Sơn hiện có diện tích tự nhiên 290,05 km², dân số 229.414 người (gồm ba dân tộc: Kinh, Mường, Thái); 36 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 35 xã và 01 thị trấn.

Trong những năm gần đây, tình hình kinh tế - xã hội của huyện Triệu Sơn có bước phát triển tích cực; nhiều chỉ tiêu tăng khá, đạt và vượt kế hoạch; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng cao so với dự toán được giao; môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện; phát triển doanh nghiệp có nhiều khởi sắc; hoạt động du lịch diễn ra sôi động; chính sách tái cơ cấu nông nghiệp tiếp tục có kết quả tích cực; năng suất, sản lượng, chất lượng, giá trị và hiệu quả kinh tế nhiều loại cây trồng tăng; văn hóa – xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; an sinh xã hội được chăm lo; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao; quốc phòng, an ninh được giữ vững; hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc cảnh quan có nhiều thay đổi; các dự án đã và đang được đầu tư đã góp phần không nhỏ cho quá trình hình thành và phát triển đô thị. Cụ thể một số chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 của huyện Triệu Sơn như sau:

1.1. Chỉ tiêu về kinh tế.

- Tốc độ tăng tổng giá trị sản xuất trên địa bàn: 15,28%.

- Tổng giá trị sản xuất: 18.035,8 tỷ đồng;
- + Nông nghiệp: 3.156,3 tỷ đồng;
- + Công nghiệp, xây dựng: 8.530,9 tỷ đồng;
- + Dịch vụ, thương mại: 6.348,6 tỷ đồng.
- Cơ cấu tổng giá trị các ngành sản xuất:
- + Nông nghiệp: 17,5%;
- + Công nghiệp, xây dựng: 47,3%;
- + Dịch vụ, thương mại: 35,2%.
- Vốn đầu tư phát triển: 1.887 tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân đầu người: 31,7 triệu đồng/người/năm.
- Thu ngân sách: 1.447,0 tỷ đồng.
- Chi ngân sách: 1.369,6 tỷ đồng.
- Số doanh nghiệp (đăng ký kinh doanh): 479 doanh nghiệp.
- Số hộ kinh doanh, dịch vụ: 3.600 hộ.
- Chỉ tiêu hộ nghèo:
- + Số hộ nghèo: 3.432 hộ;
- + Tỷ lệ hộ nghèo: 5,75%.

1.2. Chỉ tiêu xã hội.

- Giáo dục:
- + Số trường học: 111 trường;
- + Số trường đạt chuẩn quốc gia: 80 trường;
- + Số học sinh: 43.088 học sinh;
- + Tỷ lệ phổ cập Tiểu học: 100%;
- + Tỷ lệ phổ cập Trung học cơ sở: 100%;
- + Tỷ lệ học sinh đầu tốt nghiệp THCS: 99,5%;
- + Tỷ lệ trẻ đến trường đúng tuổi: 100%.

- Dân số - y tế:

+ Số cơ sở y tế trên địa bàn: 38 cơ sở;

+ Số giường bệnh: 420 giường;

+ Số bác sỹ: 95 bác sỹ;

+ Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 0,54%;

+ Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng: 14%;

+ Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: 80%.

- Văn hóa - xã hội:

+ Số nhà văn hóa - khu thể thao: 254 nhà văn hóa;

+ Tỷ lệ khai trương làng, cơ quan, đơn vị văn hóa: 100%;

+ Tỷ lệ thôn, cơ quan đạt danh hiệu văn hóa: 100%;

+ Tỷ lệ gia đình văn hóa: 89%;

+ Số lao động tạo việc làm trong năm: 3.560 lao động;

+ Số lao động đã qua đào tạo nghề trong năm: 2.530 lao động.

1.3. Chỉ tiêu cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

- Nhà ở:

+ Tổng diện tích sàn nhà ở: 6.558.630 m²;

+ Bình quân diện tích sàn nhà trên người dân: 32,5 m²/người;

+ Tỷ lệ nhà ở kiên cố: 68,5%.

- Công trình thương mại, dịch vụ (chợ, siêu thị): 17 công trình.

- Giao thông:

+ Số km đường giao thông: 1.955 km;

+ Diện tích đất giao thông: 1.947.260.000 m²;

+ Tỷ lệ đường giao thông được cứng hóa: 93,5%;

+ Số lượng phương tiện vận tải công cộng: 112 phương tiện;

+ Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng: 63,3%.

- Cấp điện và chiếu sáng công cộng:
- + Tổng công suất cấp điện: 51.258.216 kw;
- + Chi tiêu cấp điện sinh hoạt: 254 kw/người/năm;
- + Tỷ lệ đường chính được chiếu sáng: 68,6%;
- + Tỷ lệ hộ gia đình dùng điện: 99,8%.
- Cấp nước:
- + Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt : 126 lít/người/ngày đêm;
- + Tỷ lệ hộ được dùng nước sạch, hợp vệ sinh: 94,55%.
- Hệ thống viễn thông:
- + Bình quân máy điện thoại/100 dân: 50,1 máy;
- + Số thuê bao internet: 6.324 thuê bao.
- Hệ thống thoát nước được bê tông hóa: 937 km.
- Vệ sinh môi trường:
- + Tổng lượng chất thải sinh hoạt và công nghiệp: 335.000 kg/ngày đêm;
- + Tỷ lệ chất thải được thu gom, xử lý hợp vệ sinh: 80%.

2. Xã Tân Ninh

Địa bàn xã Tân Ninh ngày nay đã có truyền thống lịch sử lâu đời. Thời Hùng Vương là một làng cổ có tên gọi là Kê Nưa (hay còn gọi là Cổ Nưa). Thời nhà Lý - Trần gọi là hương – giáp Cổ Na. Thời Lê Sơ, gọi là xã Cổ Ninh sau đó đổi tên thành xã Cổ Định. Đầu thế kỷ XIX, xã Cổ Định thuộc huyện Nông Cống, phủ Tĩnh Gia. Sau Cách mạng tháng 8 năm 1945, xã Cổ Định đổi tên thành xã Tân Ninh; sau đó nhập với xã Thái Hòa thành xã Ninh Hòa. Tháng 10/1953, xã Ninh Hòa chia thành 02 xã: Tân Ninh, Thái Hòa. Tháng 12/1964, xã Tân Ninh tách khỏi huyện Nông Cống cùng với các xã khác thành lập huyện Triệu Sơn theo Quyết định số 117-CP ngày 16/12/1964 của Chính phủ.

2.2. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên.

2.2.1. Vị trí địa lý:

Xã Tân Ninh cách thành phố Thanh Hóa khoảng 20 km về phía Tây Nam, có vị trí địa lý (tọa độ trung tâm): 19°44'19" vĩ độ Bắc, 105°37'18" kinh độ

Đông; địa giới hành chính: Bắc giáp các xã: Khuyến Nông, Đồng Lợi; Nam giáp huyện Như Thanh; Đông giáp huyện Nông Cống; Tây giáp xã Thái Hòa. Địa bàn có tuyến Quốc lộ 47C, Tỉnh lộ 517, Đường Nghi Sơn – Sao Vàng chạy qua nên xã Tân Ninh là đầu mối giao thương, trung tâm dịch vụ, thương mại quan trọng của vùng huyện Triệu Sơn và các huyện giáp ranh.

2.2.2. Điều kiện tự nhiên:

Xã Tân Ninh thuộc vùng thuộc vùng đồng bằng của huyện Triệu Sơn; độ cao trung bình 70 - 80 m so với mặt nước biển; thuộc tiểu vùng khí hậu đồng bằng, nhiệt độ trung bình từ 24⁰C, tổng nhiệt độ cả năm 8.300⁰C – 8.300⁰C; lượng mưa trung bình từ 1.900 – 2.200 mm/năm, tập trung chủ yếu vào các tháng: 5, 6, 7, 8, 9, 10 (chiếm 85% lượng mưa cả năm); độ ẩm không khí trung bình 85% (cao nhất 89%, thấp nhất 50%); lượng bốc hơi trung bình 850 mm; số giờ nắng bình quân hàng năm từ 1.650 - 1.800 giờ.

2.3. Diện tích tự nhiên và tài nguyên đất đai.

Xã Tân Ninh có diện tích tự nhiên 21.20 km², trong đó:

- Đất nông nghiệp 13,78 km² chiếm 65,01% tổng diện tích tự nhiên;
- Đất phi nông nghiệp 7,42 km² chiếm 34,99% tổng diện tích tự nhiên;
- Đất chưa sử dụng 0,0 km² chiếm 0,0% tổng diện tích tự nhiên.

Đất đai ở xã Tân Ninh chủ yếu là nhóm đất đỏ vàng, nâu đỏ và đất đen được hình thành từ đá secpentin thuận lợi cho phát triển công nghiệp

2.4. Dân số và lao động.

2.4.1. Dân số:

Xã Tân Ninh có 2.788 hộ, quy mô dân số 9.638 người, trong đó:

- Dân số thường trú 9.578 người,
- Dân số thường trú quy đổi 60 người.

2.4.2. Lao động:

Dân số trong độ tuổi lao động 7.603 người, trong đó:

- Số lao động được tạo việc làm: 4.720 lao động.

- Lao động trong các ngành công nghiệp – xây dựng, thương mại – dịch vụ (lao động phi nông nghiệp) 5.625 người chiếm 73,98%;

- Lao động các ngành nông nghiệp 1.978 người chiếm 26,02%.

2.5. Kinh tế - xã hội và kết cấu hạ tầng đô thị.

2.5.1. Phát triển kinh tế:

Kinh tế xã Tân Ninh tăng trưởng khá, chuyển dịch đúng hướng, các chỉ tiêu đều hoàn thành theo kế hoạch đã đề ra, cụ thể:

- Tốc độ tăng tổng giá trị sản xuất trên địa bàn năm 2018 đạt 11,0%;

- Tổng giá trị sản xuất đạt 293,0 tỷ đồng, trong đó:

+ Ngành thương mại - dịch vụ đạt 114,27 tỷ đồng chiếm 39,0%;

+ Công nghiệp – xây dựng đạt 120,13 tỷ đồng chiếm 41,0%;

+ Nông nghiệp đạt 58,6 tỷ đồng chiếm 20,0%;

- Xã đã cân đối được thu – chi ngân sách (thu ngân sách đạt 43,48 tỷ đồng, chi ngân sách 41,75 tỷ đồng);

- Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn đạt 27,5 tỷ đồng;

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 36,8 triệu đồng/người/năm;

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 3,48%.

a) Thương mại – dịch vụ:

Thương mại – dịch vụ chuyển biến mạnh mẽ, phát triển nhanh, thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia, góp phần tích cực cho phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của xã. Năm 2018, giá trị sản xuất ngành thương mại – dịch vụ trên địa bàn xã đạt 114,27 tỷ đồng. Hiện nay, xã Tân Ninh có 331 hộ gia đình, 30 doanh nghiệp đang kinh doanh dịch vụ.

b) Công nghiệp - xây dựng:

Công nghiệp - xây dựng tăng trưởng khá, với các ngành nghề truyền thống như vận tải hành khách, hàng hóa; xây dựng dân dụng tiếp tục phát triển, các doanh nghiệp tăng về số lượng, chất lượng, tạo thu nhập ổn định cho người lao động. Năm 2018, giá trị sản xuất toàn ngành trên địa bàn đạt 120,13 tỷ đồng.

c) Nông lâm thủy sản:

Nông nghiệp tiếp tục ổn định, chất lượng và hiệu quả được nâng lên. Năm 2018, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt 58,6 tỷ đồng.

2.5.2. Văn hóa – xã hội:

Văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, an sinh xã hội được chăm lo, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện.

a) Giáo dục:

Giáo dục tiếp tục có bước phát triển tích cực; chất lượng dạy và học ngày càng được nâng cao; công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia được quan tâm; đội ngũ giáo viên được bổ sung và bồi dưỡng nâng cao trình độ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển của sự nghiệp giáo dục; tỷ lệ học sinh giỏi, học sinh đỗ vào các trường đại học, cao đẳng năm sau cao hơn năm trước, cụ thể:

- Số trường học: 03 trường;
- Số trường đạt chuẩn quốc gia: 03 trường;
- Số học sinh: 1.349 học sinh;
- Phổ cập tiểu học: 100%;
- Phổ cập trung học cơ sở: 100%;
- Tỷ lệ học sinh đậu tốt nghiệp trung học cơ sở: 100%;
- Tỷ lệ trẻ đến trường đúng tuổi: 97,0%.

b) Y tế:

Công tác y tế được đảm bảo; công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được quan tâm chỉ đạo; đáp ứng nhu cầu thực hiện các chương trình y tế Quốc gia ; đảm bảo công tác phòng, chống dịch bệnh và khám chữa bệnh, cụ thể:

- Trạm y tế, có 06 nhân viên, 12 giường bệnh, thăm khám, điều trị cho hàng trăm lượt người (năm 2018).
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 0,55%;
- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng: 13,5%;
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: 87,0%.

c) Văn hóa:

Hoạt động văn hóa phát triển sâu rộng, chất lượng được nâng cao; gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với phát triển kinh tế - xã hội. Phong trào toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư, các phong trào xây dựng thôn, khu phố, cơ quan, đơn vị văn hoá được quan tâm thực hiện; nhà văn hóa – khu thể thao cơ bản đáp ứng được nhu cầu tập luyện thể dục – thể thao của nhân dân, cụ thể:

- Số nhà văn hóa - khu thể thao: 07 nhà văn hóa;
- Tỷ lệ khai trương khu phố, cơ quan, đơn vị văn hóa: 100%;
- Tỷ lệ thôn, cơ quan đạt danh hiệu văn hóa: 100%;
- Tỷ lệ gia đình văn hóa: 95,0%.

d) Chính sách xã hội:

Công tác chính sách xã hội được chăm lo; đào tạo, giải quyết việc làm cho người lao động được quan tâm; công tác giảm nghèo được chú trọng; chế độ chính sách đối với người có công và an sinh xã hội được thực hiện kịp thời.

2.5.3. Phát triển đô thị và kết cấu hạ tầng kỹ thuật:

Công tác phát triển đô thị được quan tâm; quản lý trật tự đô thị đi vào nề nếp; tình trạng xây dựng trái phép, không phép cơ bản được khắc phục. Tập trung đầu tư, nâng cấp hệ thống đường giao thông, hệ thống điện chiếu sáng ở các trục đường chính, thoát nước, thu gom và rác thải, nước thải... tạo bộ mặt khang trang của đô thị, cụ thể:

- Tổng diện tích sàn nhà ở: 287.566 m²;
- Diện tích sàn nhà bình quân 29,5 m²/người.
- Tỷ lệ nhà ở kiên cố: 86,9%;
- Công trình thương mại, dịch vụ (chợ, siêu thị): 01 công trình;
- Số km đường giao thông: 36,0 km;
- Diện tích đất giao thông: 220.500 m²;
- Tỷ lệ đường giao thông được cứng hóa: 83,0%;
- Số lượng phương tiện vận tải công cộng: 0 phương tiện;
- Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng: 0%;

- Tổng công suất điện 5.047.488 kwh;
- Chi tiêu cấp điện sinh hoạt: 521 kw/người/năm;
- Tỷ lệ đường chính được chiếu sáng: 100%;
- Tỷ lệ hộ gia đình dùng điện: 100%;
- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt: 99,0 lít/người/ngày đêm (người dân trên sử dụng nguồn nước từ hệ thống giếng khoan, nước mưa, nước ngầm... đã được lọc, xử lý hợp vệ sinh)
- Tỷ lệ hộ được dùng nước sạch, hợp vệ sinh: 80,0%;
- Bình quân máy điện thoại/100 dân: 80 máy;
- Số thuê bao internet: 1665 thuê bao;
- Hệ thống thoát nước được bê tông hóa: 20,1 km;
- Tổng lượng chất thải sinh hoạt và công nghiệp: 3.100 kg/ngày đêm;
- Tỷ lệ chất thải được thu gom, xử lý hợp vệ sinh: 100%.

1.6. Tổ chức hệ thống chính trị.

Xây dựng đảng được củng cố, tăng cường; công tác tổ chức cán bộ, kiểm tra, dân vận... được thực hiện nghiêm túc; vai trò của mặt trận và các tổ chức đoàn thể được nâng cao; hoạt động của HĐND và UBND có nhiều đổi mới, công tác giám sát, tiếp xúc cử tri, cải cách hành chính được thực hiện thường xuyên, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả hoạt, cụ thể:

1.6.1. Đảng bộ:

- Tổng số chi bộ trực thuộc: 16 chi bộ;
- Tổng số đảng viên: 501 đảng viên;
- Ban chấp hành đảng bộ: 15 đồng chí;
- Ban Thường vụ: 05 đồng chí gồm: Bí thư, 02 Phó Bí thư (01 Phó Bí thư chuyên trách và 01 Phó Bí thư phụ trách chính quyền), 02 Ủy viên.

1.6.2. Hội đồng nhân dân:

- Tổng số đại biểu: 27 đại biểu;
- Thường trực HĐND: 02 người;

- Các Ban của HĐND: Ban Pháp chế và Kinh tế - xã hội.

1.6.3. UBND có 04 thành viên, gồm Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 02 Ủy viên UBND (xã là đơn vị hành chính loại 2).

1.6.4. Tổ chức chính trị - xã hội:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc: 39 thành viên, 11 Ban Công tác Mặt trận;

- Đoàn thanh niên Cộng sản HCM: 193 đoàn viên, 11 chi đoàn;

- Hội Liên hiệp Phụ nữ: 1201 hội viên, 11 chi hội;

- Hội Cựu chiến binh: 627 hội viên, 11 chi hội;

- Hội Nông dân: 811 hội viên, 11 chi hội.

1.6.5. Cán bộ, công chức: 22 người (cán bộ: 10 người, công chức: 12 người); trong đó:

- Đảng viên: 20 người; nữ: 09 người; dân tộc thiểu số: 0 người;

- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:

+ Trung cấp: 02 người;

+ Cao đẳng: 0 người;

+ Đại học: 16 người;

+ Sau đại học: 03 người;

- Trình độ lý luận chính trị:

+ Sơ cấp: 09 người;

+ Trung cấp: 13 người;

+ Cử nhân, cao cấp: 0 người;

1.6.6. Đơn vị sự nghiệp:

- Trường học:

+ 03 trường (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở), quy mô 40 lớp

+ 80 viên chức đang làm việc, gồm: 06 cán bộ quản lý (03 hiệu trưởng, 03 hiệu phó) và 72 giáo viên, nhân viên;

- Trạm y tế, quy mô 12 giường bệnh, 06 nhân viên y tế.

1.6.7. Số lượng người hoạt động không chuyên trách:

- Ở xã: 17 người;
- Ở các thôn: 33 người.

1.6.8. Tổ chức hội đặc thù, hội xã hội có 10 hội, 4.100 hội viên.

1.7. Quốc phòng – an ninh.

Xã Tân Ninh chủ động xây dựng kế hoạch quân sự, quốc phòng; tổ chức tốt công tác huấn luyện cho đơn vị dân quân tự vệ; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng; hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân của huyện giao; chế độ trực ban, trực sẵn sàng chiến đấu được duy trì thực hiện nghiêm; triển khai thực hiện hiệu quả phương án phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn. An ninh trật tự trên địa bàn luôn được đảm bảo ổn định, có nhiều mặt chuyển biến tích cực, không để xảy ra đột xuất, bất ngờ và các điểm nóng trên địa bàn; hoạt động tội phạm hình sự và tệ nạn xã hội được kiểm chế; trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng từng bước đi vào nề nếp; công tác xây dựng mô hình tự quản, xây dựng khu dân cư an toàn về an ninh trật tự thực hiện có hiệu quả.

II. ĐÁNH GIÁ VIỆC THÀNH LẬP THỊ TRẤN NỬA THEO ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN CỦA ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH THỊ TRẤN

Căn cứ quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; việc thành lập thị trấn Nửa trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Tân Ninh đã đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn của đơn vị hành chính thị trấn.

1. Đánh giá với 04 điều kiện thành lập đơn vị hành chính thị trấn (Khoản 2 Điều 128 Luật Tổ chức chính quyền địa phương)

1.1. Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính, quy hoạch, chương trình phát triển đô thị.

Quyết định số 3975/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị và Quyết định số 1252/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị giai đoạn đến năm 2020 và giai đoạn 2021 – 2030 đã đề ra lộ trình, kế hoạch thành lập thị trấn Nửa. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Triệu Sơn lần thứ XVII nhiệm kỳ 2015 – 2020 cũng đã đặt ra chỉ tiêu đô

thị hóa đến năm 2020 đạt 22%. Vì vậy, thành lập thị trấn Nưa là phù hợp với chương trình phát triển kinh tế - xã hội, đô thị của huyện và của tỉnh.

1.2. Bảo đảm lợi ích chung, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền cơ sở.

Thành lập thị trấn Nưa trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của xã Tân Ninh không phải là trường hợp chia tách, không làm giảm tiềm năng, lợi thế của đơn vị hành chính, nên đảm bảo lợi ích chung của địa phương, qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân trên địa bàn. Thành lập thị trấn Nưa không phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế; là cơ sở để tổ chức chính quyền đô thị thay cho chính quyền nông thôn quản lý khu vực phát triển, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền cơ sở.

1.3. Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Thành lập thị trấn là tiền đề để xác định địa bàn trọng điểm về an ninh trật tự làm cơ sở kiện toàn lại tổ chức của lực lượng quân sự, bố trí lực lượng công an chính quy, bảo vệ dân phố nên sẽ góp phần củng cố, đảm bảo yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

1.4. Bảo đảm đoàn kết dân tộc, phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương.

Thành lập thị trấn Nưa trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của xã Tân Ninh nhận được sự đồng thuận của nhân dân, góp phần đảm bảo đoàn kết dân tộc, phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương.

2. Đánh giá tiêu chuẩn đơn vị hành chính thị trấn

2.1. Quy mô dân số.

Xã Tân Ninh có quy mô dân số 9.638 người. Đánh giá: Đạt (quy định từ 8.000 người trở lên).

2.2. Diện tích tự nhiên.

Xã Tân Ninh có diện tích tự nhiên 21,20 km². Đánh giá: Đạt (quy định từ 14 km² trở lên).

2.3. Được công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại V.

Xã Tân Ninh được công nhận đạt tiêu chuẩn của đô thị loại V theo Quyết định số 5425/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của UBND tỉnh. Đánh giá: Đạt.

2.4. Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế.

- Cân đối thu chi ngân sách dư: Thu ngân sách: 43,48 tỷ đồng; chi ngân sách: 41,75 tỷ đồng. Đánh giá: Đạt (quy định cân đối đủ trở lên).

- Tỷ lệ của xã là 3,48% (97/2.788 hộ); tỷ lệ hộ nghèo của huyện là 5,75%. Đánh giá: Đạt (quy định đạt từ bình quân của huyện trở xuống).

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của xã đạt 73,98% (5.625 lao động phi nông nghiệp/7.603 lao động). Đánh giá: Đạt (quy định từ 65% trở lên).

Phần III

PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THỊ TRẤN NỬA

I. HIỆN TRẠNG CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÓ LIÊN QUAN

1. Huyện Triệu Sơn

- Diện tích tự nhiên 290,05 km²;

- Dân số 229.414 người;

- Đơn vị hành chính trực thuộc gồm 35 xã: Thọ Sơn, Thọ Bình, Thọ Tiến, Hợp Lý, Hợp Tiến, Hợp Thành, Triệu Thành, Hợp Thắng, Minh Sơn, Minh Dân, Minh Châu, Dân Lực, Dân Lý, Dân Quyền, An Nông, Vân Sơn, Thái Hòa, Tân Ninh, Đồng Lợi, Đồng Tiến, Đồng Thắng, Tiến Nông, Khuyến Nông, Xuân Thịnh, Xuân Lộc, Thọ Dân, Xuân Thọ, Thọ Tân, Thọ Ngọc, Thọ Cường, Thọ Phú, Thọ Vực, Thọ Thế, Nông Trường, Bình Sơn và 01 thị trấn: Triệu Sơn.

2. Xã Tân Ninh

- Diện tích tự nhiên 21,20 km².

- Dân số 9.638 người.

- Số thôn: 11 thôn, gồm: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11.

- Địa giới hành chính: phía Bắc giáp các xã: Khuyến Nông, Đồng Lợi; phía Nam giáp huyện Như Thanh; phía Đông giáp huyện Nông Cống; phía Tây giáp xã Thái Hòa.

II. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THỊ TRẤN NỬA

Thành lập thị trấn Nửa trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên (21,20 km²) và dân số (9.638 người) của xã Tân Ninh.

III. SAU KHI THÀNH LẬP THỊ TRẦN NỬA.

1. Thị trấn Nưa

- Diện tích tự nhiên 21,20 km².
- Dân số 9.638 người.
- Số tổ dân phố: 11 tổ dân phố, gồm: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11.
- Địa giới hành chính: Bắc giáp các xã: Khuyến Nông, Đồng Lợi; Nam giáp huyện Như Thanh; Đông giáp huyện Nông Cống; Tây giáp xã Thái Hòa.

2. Huyện Triệu Sơn

- Diện tích tự nhiên 290,05 km²;
- Dân số 229.414 người;
- Đơn vị hành chính trực thuộc: 36 đơn vị, gồm 34 xã: Thọ Sơn, Thọ Bình, Thọ Tiến, Hợp Lý, Hợp Tiến, Hợp Thành, Triệu Thành, Hợp Thắng, Minh Sơn, Minh Dân, Minh Châu, Dân Lực, Dân Lý, Dân Quyền, An Nông, Vân Sơn, Thái Hoà, Đồng Lợi, Đồng Tiến, Đồng Thắng, Tiến Nông, Khuyến Nông, Xuân Thịnh, Xuân Lộc, Thọ Dân, Xuân Thọ, Thọ Tân, Thọ Ngọc, Thọ Cường, Thọ Phú, Thọ Vực, Thọ Thế, Nông Trường, Bình Sơn và 02 thị trấn: Triệu Sơn, Nưa.

Phần IV

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ TRẦN NỬA VÀ CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

1. Tác động về tổ chức bộ máy, quản lý nhà nước

1.1. Tác động tích cực.

Thành lập thị trấn Nưa trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Tân Ninh nên không làm phát sinh tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp ... Mặt khác, theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương cơ cấu tổ chức giữa chính quyền thị trấn và xã không khác biệt, chỉ khác nhau về nhiệm vụ, quyền hạn nên tổ chức bộ máy hệ thống chính trị thị trấn Nưa như hiện nay, không bị tác động.

Thành lập thị trấn Nưa là tiền đề để tổ chức, thiết lập chính quyền đô thị - thị trấn thay cho chính quyền nông thôn - xã, thể hiện quá trình và mức độ đô thị

hóa cao hơn, với những chức năng, nhiệm vụ có riêng biệt (giữa thị trấn và xã), phù hợp với loại đơn vị hành chính đang trong quá trình đô thị hóa nhanh, nên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước, đặc biệt là trên các lĩnh vực về xây dựng, đô thị, quy hoạch, kiến trúc, dân cư, cảnh quan, môi trường, bảo đảm an ninh trật tự xã hội.

Tổ chức, hoạt động của các thôn hiện nay được kiện toàn thành các tổ dân phố cho phù hợp với đơn vị hành chính thị trấn; không chia tách hay thành lập mới nên không làm tăng số lượng do thành lập thị trấn.

1.2. Tác động hạn chế.

Chưa thấy tác động hạn chế của thành lập thị trấn Nưa tới tổ chức bộ máy hệ thống chính trị.

2. Tác động đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

2.1. Tác động tích cực.

Thành lập thị trấn Nưa không phải là trường hợp chia tách để thành lập đơn vị hành chính mới nên không làm phát sinh biên chế hay làm tăng số lượng cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các quan đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp ... trên địa bàn thị trấn.

Số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở 11 tổ dân phố của thị trấn Nưa sẽ giảm 11 người, tương ứng mỗi tổ dân phố giảm 01 người, do sau khi thành lập thị trấn, các thôn chuyển thành tổ dân phố thì chức danh nhân viên y tế không quy định là người hoạt động không chuyên trách.

2.2. Tác động hạn chế.

Do chuyển từ chính quyền nông thôn sang chính quyền đô thị nên bước đầu đội ngũ cán bộ, công chức xã hiện nay không khỏi lúng túng do sự khác biệt về chức năng, nhiệm vụ giữa hai mô hình quản lý (xã – thị trấn).

Nhân viên y tế ở tổ dân phố không là chức danh người hoạt động không chuyên trách (như ở thôn) có thể làm ảnh hưởng đến tâm tư của cá nhân.

3. Tác động đến phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh

3.1. Tác động tích cực.

Thành lập thị trấn Nưa nên không làm chia nhỏ, phân tán nguồn lực đầu tư hay làm giảm tiềm năng lợi thế trong phát triển của thị trấn. Đồng thời việc không

phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế nên không làm tăng kinh phí chi thường xuyên cho bộ máy hành chính; nguồn lực công này sẽ được thị trấn tập trung cho đầu tư cơ sở hạ tầng, thúc đẩy phát triển sản xuất. Ngoài ra, các cơ chế chính sách trong thu hút đầu tư, môi trường sản xuất, kinh doanh đối với đơn vị hành chính thị trấn không có thay đổi bất lợi so với đơn vị hành chính xã. Mặt khác, từ đánh giá tổng kết công tác thành lập các đơn vị hành chính đô thị ở tỉnh Thanh Hóa và qua quá trình nghiên cứu tại một số đô thị ở các tỉnh khác được thành lập trong những năm gần đây, thì các đô thị này đều có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, giữ vị trí là trung tâm, động lực phát triển của khu vực hoặc vùng. Như vậy, có thể thấy đây là những minh chứng khẳng định việc thành lập thị trấn Nưa có tác động tích cực, không ảnh hưởng tới tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thu hút vốn đầu tư, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực sản xuất.

Sau khi thành lập, với tên gọi là thị trấn (thay cho xã) sẽ tạo sức hấp dẫn trong kêu gọi thu hút vốn đầu tư, nhất là trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ, đưa thương hiệu du lịch Nưa – Am Tiên lên tầm cao. Sự phát triển, thay đổi diện mạo du lịch sẽ tạo sự lan tỏa và thu hút du khách du lịch tới địa phương từ đó tác động tương hỗ, tích cực đến tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao giá trị sản xuất, tạo ra việc làm, thu hút lao động, nâng cao đời sống của người dân thị trấn Nưa.

3.2. Tác động hạn chế.

Thành lập thị trấn không hình thành các cơ chế, chính sách kinh tế bất lợi, hay tác động xấu đến các tiềm năng, nguồn lực phát triển, lực lượng lao động nên chưa thấy tác động hạn chế của việc thành lập thị trấn tới phát triển kinh tế.

4. Tác động đến văn hóa, xã hội và cuộc sống nhân dân

4.1. Tác động tích cực.

Thành lập thị trấn Nưa trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và dân số của xã Tân Ninh nên không ảnh hưởng đến các thiết chế và đặc trưng văn hóa địa phương, phong tục tập quán, cũng như tác động xấu đến danh lam thắng cảnh, làm xáo trộn đến đời sống dân cư.

Hiệu ứng của việc thành lập thị trấn và quá trình phát triển kinh tế, phát triển đô thị sẽ tạo điều kiện để đầu tư cơ sở hạ tầng, công trình công cộng, văn hóa phục vụ nhân dân, góp phần cho phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, đảm bảo

an sinh xã hội, giải quyết việc làm, đời sống tinh thần của nhân dân được quan tâm và cải thiện ngày một tốt hơn, hình thành lối sống văn minh, hiện đại.

4.2. Tác động hạn chế.

Tốc độ đô thị hóa nhanh, phát triển du lịch, sự gia tăng dân số cơ học sẽ tạo áp lực lên các lĩnh vực giáo dục, y tế, việc làm...; các trào lưu văn hóa tiêu cực cũng có điều kiện xâm nhập làm thay đổi lối sống và cách sống, tệ nạn xã hội cũng có điều kiện phát triển.

Thành lập thị trấn nên địa chỉ liên lạc của công dân, tổ chức, các giấy tờ cá nhân có thay đổi, ảnh hưởng đến liên lạc và giao dịch.

5. Tác động đến phát triển đô thị

5.1. Tác động tích cực.

Thành lập thị trấn Nưa phù hợp với các quy hoạch, định hướng phát triển hệ thống đô thị huyện nói riêng và của tỉnh nói chung; tạo điều kiện để rà soát, tổ chức hợp lý các khu chức năng, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, khu dân cư, khuôn viên công cộng, cây xanh đô thị... ; từ đó có tác động đến việc thu hút, phân bố dân cư, lao động, cơ sở kinh doanh dịch vụ, tạo ra sự cân đối giữa các khu vực trên địa bàn thị trấn. Đồng thời, thành lập thị trấn là bước cụ thể hóa Quyết định số 3975/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị, Quyết định số 1252/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị tỉnh giai đoạn đến năm 2020 và giai đoạn 2021 – 2030, Quyết định số 3491/QĐ-UBND ngày 04/11/2008 và Quyết định số 4014/QĐ-UBND ngày 17/10/2016 của UBND tỉnh phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị Nưa, huyện Triệu Sơn đến năm 2020.

5.2. Tác động hạn chế.

Đô thị Nưa đang có bước phát triển trong lĩnh vực dịch vụ, du lịch, cơ sở hạ tầng, khu dân cư nên công tác quản lý đô thị không theo kịp quá trình phát triển có thể dẫn đến thiếu đồng bộ, không thống nhất trong phát triển đô thị.

6. Tác động đến vệ sinh môi trường

6.1. Tác động tích cực.

Hiện nay, công tác xử lý vệ sinh môi trường ở xã Tân Ninh cơ bản được bảo đảm bảo cho yêu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt. Vì vậy, thành lập thị trấn ít thấy tác động xấu đến vệ sinh môi trường.

6.2. Tác động hạn chế.

Sự gia tăng số lượng khách du lịch đến địa phương làm tăng lượng nước thải, rác thải sinh hoạt; quá trình đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình dân dụng cũng làm tăng lượng rác thải công nghiệp, bụi và tiếng ồn.

7. Tác động về quốc phòng - an ninh

7.1. Tác động tích cực.

Quá trình phát triển kinh tế xã hội, ưu tiên nguồn lực để phát triển đô thị đạt tiêu chuẩn, tiêu chí của thành lập thị trấn, đã một lần nữa khẳng định quan điểm, chủ trương trong việc tập trung phát triển kinh tế, phát triển đô thị gắn với tăng cường bảo đảm quốc phòng - an ninh trong tình hình mới.

7.2. Tác động hạn chế.

Chưa thấy tác động hạn chế của việc nhập các xã vào thị trấn tới bảo đảm quốc phòng - an ninh.

8. Tác động về bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

8.1. Tác động tích cực.

Thành lập thị trấn là tiền đề để xác định địa bàn trọng điểm về an ninh trật tự làm cơ sở kiện toàn lại tổ chức của lực lượng quân sự, bố trí lực lượng công an chính quy, bảo vệ dân phố nên sẽ góp phần củng cố, đảm bảo yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

8.2. Tác động hạn chế.

Chưa thấy tác động hạn chế của thành lập thị trấn tới đảm bảo trật tự, an toàn xã hội.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ TRẤN NƯA

Xây dựng thị trấn Nưa trở thành trung tâm công nghiệp (đặc biệt là công nghiệp khai khoáng và chế biến quặng crôm) - tiêu thụ công nghiệp, dịch vụ, thương mại và du lịch, văn hoá xã hội của tiểu vùng kinh tế Tây Nam huyện Triệu Sơn. Là một trong những tuyến, điểm du lịch văn hóa – tâm linh – lịch sử của hệ thống tuyến điểm du lịch toàn tỉnh. Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu của thị trấn Nưa trong thời gian tới như sau:

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 36,8 triệu đồng;

- Tổng sản lượng lương thực đạt 3.000 tấn trở lên;
- Thu ngân sách trên địa bàn vượt kế hoạch huyện giao từ 10% trở lên;
- Huy động mọi nguồn lực cho đầu tư, phát triển từ 15 tỷ đồng trở lên;
- Bê tông hóa từ 5 km giao thông và kênh mương nội đồng;
- Tỷ lệ hộ nghèo dưới 2%; cận nghèo 25%;
- Tỷ lệ phát triển dân số ổn định ở mức 0,60%;
- Nâng cấp hệ thống truyền thanh, 80% các thôn có nhà văn hóa.

III. CÁC GIẢI GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về tổ chức bộ máy hệ thống chính trị

Thành lập thị trấn Nưa trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Tân Ninh nên tổ chức bộ máy hệ thống chính trị, cán bộ, công chức, viên chức ổn định như hiện nay, cụ thể như sau:

1.1. Đảng bộ.

Đảng bộ thị trấn có 16 chi bộ; 501 đảng viên. Ban chấp hành đảng bộ 15 đồng chí; Ban Thường vụ 05 đồng chí gồm: Bí thư, 02 Phó Bí thư (01 Phó Bí thư chuyên trách và 01 Phó Bí thư phụ trách chính quyền), 02 Ủy viên.

1.2. Hội đồng nhân dân.

HĐND thị trấn có 27 đại biểu. Thường trực HĐND 02 người; Ban Pháp chế và Kinh tế - xã hội.

1.3. Ủy ban nhân dân.

UBND thị trấn có 04 thành viên, gồm Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 02 Ủy viên UBND (thị trấn là đơn vị hành chính loại 2).

1. 4. Tổ chức chính trị - xã hội.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc 39 thành viên, 11 Ban Công tác Mặt trận; Đoàn thanh niên CS Hồ Chí Minh 193 đoàn viên, 11 chi đoàn; Hội Liên hiệp Phụ nữ 1.241 hội viên, 11 chi hội; Hội Cựu chiến binh 627 hội viên, 11 chi hội; Hội Nông dân 811 hội viên, 11 chi hội.

1.5. Đơn vị sự nghiệp.

- Tổ chức các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở ở thị trấn Nưa thực hiện trên cơ sở nguyên trạng tổ chức hiện nay của các trường; giữ tên các trường học là Tân Ninh đến hết năm học 2019 – 2020 để đảm bảo sự ổn định;

việc đổi tên các trường theo địa danh thị trấn Nưa xem xét thực hiện trong các năm học tiếp theo.

- Tổ chức trạm y tế ở thị trấn Nưa thực hiện trên cơ sở nguyên trạng tổ chức hiện nay của trạm y tế xã Tân Ninh.

1.4. Tổ chức thôn, tổ dân phố.

Căn cứ Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập thị trấn Nưa, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định chuyển các thôn hiện nay thành các tổ dân phố theo quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

2. Giải pháp về đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách

2.1. Số lượng cán bộ, công chức.

Số lượng cán bộ, công chức của thị trấn Nưa thực hiện trên cơ sở nguyên trạng số lượng cán bộ, công chức hiện nay của xã Tân Ninh có 22 người, gồm 10 cán bộ, 12 công chức; chuyển đổi chức Địa chính – nông nghiệp - xây dựng và môi trường thành chức danh Địa chính – xây dựng – đô thị và môi trường.

2.2. Số lượng viên chức đơn vị sự nghiệp.

Số lượng viên chức các trường học, trạm y tế trên địa bàn thị trấn Nưa thực hiện trên cơ sở nguyên trạng số lượng viên chức hiện nay của các đơn vị, gồm 86 người, trong đó có 80 người là cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường học và 06 nhân viên y tế.

2.3. Số lượng người hoạt động không chuyên trách và chủ tịch hội.

Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thị trấn, ở tổ dân phố bố trí theo quy định của tỉnh; các tổ chức hội bố trí theo quy định điều lệ tổ chức; từng bước thực hiện việc kiêm nhiệm giữa người hoạt động không chuyên trách cấp xã và chủ tịch hội để giảm số lượng người hưởng phụ cấp từ ngân sách.

2.4. Giải pháp đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức.

Do sự khác biệt về chức năng, nhiệm vụ giữa hai mô hình quản lý (xã – thị trấn) nên cần phải có giải pháp đào tạo, bồi dưỡng để trang bị kỹ năng, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức. Cụ thể: (1) Tổ chức

lớp bồi dưỡng kiến thức cho 22 cán bộ, công chức về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền đô thị; (2) Cán bộ quản lý và công chức địa chính – xây dựng bồi dưỡng thêm các nội dung chuyên sâu về quản lý quy hoạch, đô thị, cơ sở hạ tầng, trật tự xây dựng, kiến trúc cảnh quan và môi trường đô thị, quản lý dân cư; (3) Công chức phụ trách công tác nông nghiệp và phát triển nông thôn (đại học chuyên ngành thú y) cử đi đào tạo chuyên ngành về xây dựng, đô thị hoặc môi trường để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ tại thị trấn; (4) Đại biểu HĐND thị trấn, ngoài kiến thức đại biểu HĐND đã được bồi dưỡng, sẽ tiếp tục mở lớp bồi dưỡng kiến thức về chức năng, nhiệm vụ của HĐND thị trấn, các chuyên đề về đô thị, xây dựng, để phát huy vai trò giám sát của HĐND và đại biểu HĐND.

3. Giải pháp về sử dụng cơ sở vật chất, công sở, trụ sở làm việc

Công sở, các trường học, trạm y tế thị trấn Nưa sử dụng nguyên trạng các công trình hiện nay của các đơn vị, cụ thể:

- Công sở thị trấn: Quy mô 3.610 m², tại tổ dân phố 9.
- Trường mầm non thị trấn: Quy mô 2.757 m², tại tổ dân phố 4.
- Trường tiểu học thị trấn: Quy mô 10.724 m², tại tổ dân phố 6.
- Trường trung học cơ sở thị trấn: Quy mô 10.662 m², tại tổ dân phố 7.
- Trạm y tế thị trấn: Quy mô 1.804 m², tại tổ dân phố 4.

4. Giải pháp chuyển đổi một số giấy tờ cơ bản của công dân

Tổng hợp từ các văn bản pháp luật, mỗi công dân có thể có các loại giấy tờ tùy thân, giấy tờ chứng minh nhân thân, quyền sở hữu, quyền sử dụng gồm những loại cơ bản như chứng minh nhân dân (thẻ căn cước công dân), hộ chiếu quốc gia, giấy tờ hộ tịch, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đăng ký kinh doanh và các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật.

Đối chiếu các quy định của pháp luật có liên quan đến việc quy định các giấy tờ của công dân như trên chỉ có sổ hộ khẩu cần phải điều chỉnh khi thay đổi địa giới đơn vị hành chính theo Điều 12 Thông tư 35/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014 của Bộ Công an. Cụ thể: Trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về thay đổi địa giới hành chính, đơn vị hành chính, đường phố, số nhà thì cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm thông báo để công dân đến làm thủ tục điều chỉnh trong sổ hộ khẩu. Trong thời

hạn 30 ngày kể từ ngày có thông báo của cơ quan đăng ký cư trú, công dân có trách nhiệm đến để làm thủ tục điều chỉnh trong sổ hộ khẩu.

Để tạo điều kiện cho người dân thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ, tài liệu có liên quan, sau khi thành lập, UBND thị trấn Nưa (đơn vị hành chính mới) phối hợp với cơ quan công an và đơn vị có liên quan lập kế hoạch tiến hành thực hiện chuyển đổi giấy tờ cho người dân; phân công người phụ trách địa bàn, lịch làm việc với công dân theo từng thôn, tổ dân phố; trong đó ưu tiên thực hiện đổi với những trường hợp người dân có nhu cầu chuyển đổi ngay, cấp bách.

Đối với các loại giấy tờ còn lại, UBND thị trấn có thông báo, hướng dẫn để người dân nếu có nhu cầu chuyển đổi đến làm thủ tục tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

5. Giải pháp quản lý và phát triển đô thị, bảo vệ môi trường

Thực hiện nghiêm túc việc quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt, kiên quyết xử lý tình trạng xây dựng không phép, lấn chiếm, vi phạm trật tự đô thị; nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, chuyên môn trong công tác quản lý quy hoạch, quản lý dự án, giải phóng mặt bằng, công tác xúc tiến và thu hút đầu tư phát triển đô thị.

Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục ý thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng dân cư. Bố trí kinh phí thực hiện bảo vệ môi trường, đặc biệt xử lý nước thải, chất thải. Thực hiện nghiêm chỉnh công tác giám sát, kiểm tra môi trường và luật bảo vệ môi trường. Thực hiện tốt các chương trình trồng cây xanh trong khu vực đô thị, quần thể di tích.

6. Giải pháp về cải cách hành chính

Đẩy mạnh cải cách hành chính, trong đó trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính; coi cải cách hành chính vừa là mục tiêu, vừa là giải pháp, tạo môi trường thông thoáng để thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội của thị trấn; tạo ra sức cạnh tranh so với các địa phương lân cận.

Nâng cao hiệu quả quản lý hành chính của chính quyền cơ sở; rà soát lại quy trình làm việc, thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư; tăng cường chất lượng xây dựng văn bản nhất là các văn bản liên quan đến phát triển đô thị, du lịch, dịch vụ.

7. Giải pháp về ngân sách, vốn đầu tư

Nhu cầu nguồn vốn đầu tư để phát triển thị trấn Nưa là nhu cầu cần thiết, tất yếu và là quá trình lâu dài để đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật, du lịch dịch vụ; không do nguyên nhân từ thành lập thị trấn mà làm phát sinh nhu cầu vốn đầu tư. Trong thời gian tới, địa phương sẽ tranh thủ mọi sự hỗ trợ của trung ương, tỉnh và các nguồn vốn khác để đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật giao thông, các dự án, công trình trọng điểm, khu đô thị, quần thể di tích lịch sử quốc gia Am Tiên bao gồm Núi Nưa - Đền Nưa - Am Tiên.

8. Kế hoạch và lộ trình thực hiện

Sau khi hoàn chỉnh Đề án, lộ trình thực hiện thành lập thị trấn Nưa thực hiện theo Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 13/3/2019 của UBND tỉnh về việc sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

8.1. Tổ chức lấy ý kiến cử tri.

UBND xã Tân Ninh chỉ đạo, hướng dẫn các thôn lấy ý kiến cử tri.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 31/5/2019.

8.2. HĐND xã và HĐND huyện thông qua Đề án.

8.2.1. Họp HĐND xã:

Trên cơ sở kết quả lấy ý kiến cử tri, UBND xã Tân Ninh trình HĐND cùng cấp xem xét, thông qua Đề án.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 05/6/2019.

8.2.2. Sau khi HĐND xã thông qua Đề án, UBND huyện trình HĐND huyện xem xét.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 10/6/2019.

8.3. Báo cáo UBND tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và HĐND tỉnh.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 30/6/2019.

8.4. Báo cáo Bộ Nội vụ thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Thời gian thực hiện: Tháng 8, 9, 10/2019.

8.5. Công bố Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và hoạt động theo đơn vị hành chính thị trấn.

Chậm nhất không quá 30 ngày, sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tiến hành tổ chức lễ công bố Nghị quyết; hoạt động theo đơn vị hành chính thị trấn.

Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/12/2019.

Phần V

KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hoá đã có những tác động nhiều mặt đến xã Tân Ninh, làm cho việc tổ chức, quản lý, điều hành của chính quyền theo mô hình xã như hiện nay không còn phù hợp, cần thiết phải tổ chức chính quyền đô thị để đáp ứng yêu cầu phát triển. Thành lập thị trấn Nura sẽ tạo điều kiện khai thác tốt hơn tiềm năng các địa phương; sắp xếp hợp lý nguồn lao động; tạo ra động lực mới cho sự phát triển; đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước; góp phần vào việc nâng cao tỷ lệ đô thị hoá của huyện và tỉnh./.

UBND HUYỆN TRIỆU SƠN